

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 10/6/2026

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thận

Ông Trần Đức Hoà

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 tham gia phiên tòa: bà Đàm Thị Thủy, chức danh: Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý thụ lý số: 12/2026/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Lê Thị Q, sinh năm 1976

Trú tại: Thôn H, xã H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: anh Huỳnh Xuân L, sinh năm 1973

Trú tại: Thôn Đ, xã B, thành phố Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đ.

Địa chỉ: Q, Thôn Đ, xã B, thành phố Đ.

2/ Chị Lê Thị H, sinh năm 1977

Trú tại: Thôn Đ, xã B, thành phố Đ.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/12/2025 quá trình thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Q qua lời khai trình bày: chị Lê Thị Q là chị gái của chị Lê Thị H, năm 1995 chị H vào miền nam sinh sống tại huyện B, tỉnh Bình Phước; năm 2002 chị H đã sử dụng các thông tin về lý lịch của chị Q để thực hiện các thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương, bản thân chị Q không biết sự việc này, vừa qua chị H bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về lĩnh vực an ninh, trật tự với lý

do cung cấp thông tin giấy tờ, tài liệu sai sự thật về cư trú để được thường trú, đồng thời hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn thể hiện anh Huỳnh Xuân L kết hôn với chị Lê Thị Q là không đúng, trái với quy định của pháp luật nên chị Q yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 12-Đồng Nai hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Huỳnh Xuân L và chị Lê Thị Q, hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 13/03/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước đã cấp cho anh Huỳnh Xuân L và chị Lê Thị Q.

Về con chung, tài sản, nợ chung: không có; ngoài ra chị Q không yêu cầu giải quyết nội dung gì thêm.

Bị đơn anh Huỳnh Xuân L qua lời khai trình bày: anh Huỳnh Xuân L và chị Lê Thị H tự nguyện chung sống từ năm 2000, đến năm 2002 tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; chị H đã sử dụng tài liệu, giấy tờ mang tên chị gái là Lê Thị Q để tiến hành kết hôn với anh L; việc này anh L không biết, sau này anh L biết nhưng đã rất nhiều giấy tờ của chị Lê Thị H mang họ tên chị Lê Thị Q, do phức tạp nên anh không thực hiện việc yêu cầu hủy bỏ; nay chị H đã thực hiện các thủ tục để thay đổi giấy tờ tùy thân cho đúng; thấy việc thực hiện đăng ký kết hôn mang tên chị Lê Thị Q là trái pháp luật, chị Q yêu cầu hủy việc đăng ký kết hôn trái pháp luật và hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã cấp, anh L đồng ý.

Về con chung, tài sản, nợ chung: không có; ngoài ra, anh L không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Lê Thị H qua lời khai trình bày: chị Lê Thị H sinh năm 1977, năm 1995 chị H có lấy giấy tờ chị Lê Thị Q để làm các thủ tục giấy tờ tùy thân, năm 2000 chị H chung sống với anh Huỳnh Xuân L đến nay, năm 2002 chị H có sử dụng giấy tờ tùy thân mang tên chị Lê Thị Q để thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn với anh Huỳnh Xuân L; năm 2025 chị H bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về hành vi “cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu sai sự thật về cư trú để được đăng ký thường trú”; hiện nay chị H đã thay đổi các thông tin trên giấy tờ tùy thân và đăng ký thường trú theo quy định; chị Lê Thị Q đề nghị hủy hôn nhân trái pháp luật và giấy đăng ký kết hôn giữa chị Lê Thị Q và anh Huỳnh Xuân L, chị H đồng ý.

UBND xã B qua lời khai trình bày: vào năm 2002 UBND thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước có thực hiện việc đăng ký kết hôn giữa chị Lê Thị Q và anh Huỳnh Xuân L vào ngày 13/3/2002; nay chị Q yêu cầu hủy hôn nhân trái pháp luật, hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, quyển số 01/2002, ngày 13/3/2002 của UBND thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 12-Đồng Nai giải quyết theo quy định.

Về tài liệu, chứng cứ: Nguyên đơn nộp tài liệu, chứng cứ như trong hồ sơ vụ án; ngoài ra không giao nộp gì thêm. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án căn cứ vào các tài liệu có trong

hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa; căn cứ các Điều 8, 10 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn; tuyên bố hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị Lê Thị Q và anh Nguyễn Xuân L1; về con chung, tài sản, nợ chung không có nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của chị Lê Thị Q, anh Huỳnh Xuân L, chị Lê Thị H đều thừa nhận từ năm 1995 chị Lê Thị H đã sử dụng các giấy tờ tùy thân mang tên Lê Thị Q, sinh năm 1976 để tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn với anh Huỳnh Xuân L tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2002 và đã được UBND thị trấn Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 13/03/2002 với họ tên người chồng là Huỳnh Xuân L, người vợ là Lê Thị Q; căn cứ bản sơ yếu lý lịch của chị Lê Thị Q, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Thanh Hóa, xác định được chị Lê Thị Q, sinh năm 1976, chị Lê Thị H, sinh năm 1977 là 02 chị em; giấy khai sinh của chị Lê Thị H; Quyết định số 837/QĐ-XPHC ngày 17/4/2025 của UBND huyện B, về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, có nội dung xử phạt chị Lê Thị H đã thực hiện hành vi phạm hành chính “cung cấp thông tin, giấy tờ, tài liệu sai sự thật về cư trú để được đăng ký thường trú”. Như vậy, có cơ sở xác định được chị Lê Thị H đã sử dụng, khai báo nội dung thông tin không đúng sự thật, lừa dối thực hiện việc kết hôn, không đúng theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật. Căn cứ các Điều 8,10 của Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hủy hôn nhân trái pháp luật giữa anh Huỳnh Xuân L và chị Lê Thị Q, đồng thời hủy giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 13/03/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Về con chung, tài sản, nợ chung: không có.

[3] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ Luật Tố tụng dân sự đương sự phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Quan điểm, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 8 Điều 10 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh Huỳnh Xuân L và chị Lê Thị Q; Hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 13/03/2002 của Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Về con chung, tài sản, nợ chung: không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị Q nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000424, ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Đồng Nai;
- VKSND Khu vực 12;
- THADS TP Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án (10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LƯU THÙY LINH